

QUY ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2025/NQ-HĐND
ngày....tháng.....năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số chế độ, mức chi phục vụ cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp quy định tại Nghị quyết này do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; được phân bổ trong dự toán chi hàng năm của cơ quan, đơn vị quản lý kinh phí phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân và được thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

2. Các khoản chi không nêu tại Quy định kèm theo Nghị quyết này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp nào thì được hưởng hoạt động phí cấp đó; trường hợp là đại biểu hội đồng nhân dân hai cấp thì được hưởng hoạt động phí hàng tháng ở cấp cao nhất và hưởng một lần với mức cao nhất đối với các nội dung mức chi: trang phục (lễ phục), chăm sóc sức khỏe định kỳ hàng năm, chế độ tài liệu.

Điều 3. Các nội dung chi, mức chi

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
I	Hoạt động phí (Thực hiện theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)			
1	Hoạt động phí của Đại biểu Hội đồng nhân dân (bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách)	Mức lương cơ sở/tháng	0,5	0,3
2	Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội được chi trả chế độ tiền công lao động theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân	Mức lương cơ sở/ngày	0,14	0,10
II	Phụ cấp kiêm nhiệm (trong trường hợp kiêm nhiệm chức danh)			
	- Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Mức lương cơ sở/tháng	Hưởng 10% mức lương hiện hưởng (kể cả phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)).	Thực hiện theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP
	- Trưởng ban Hội đồng nhân dân			
	Các trường hợp trên nếu đã được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm tại cơ quan khác thì không được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định này.			
III	Chi hỗ trợ (trong trường hợp kiêm nhiệm chức danh)			
	- Tổ trưởng Tổ đại biểu	Mức lương cơ sở/tháng	0,5	0,3
	- Tổ phó Tổ đại biểu	Mức lương cơ sở/tháng	0,3	0,15

	- Ủy viên các Ban	Mức lương cơ sở/tháng	0,3	0,15
Người kiêm nhiệm chức vụ ở cơ quan khác nếu kiêm nhiệm thêm chức vụ trong Hội đồng nhân dân vẫn được hưởng phụ cấp hỗ trợ tại mục II, III Điều này. Người kiêm nhiệm nhiều công việc trong một cấp Hội đồng nhân dân hoặc nhiều cấp Hội đồng nhân dân thì chỉ được hưởng một mức phụ cấp cao nhất.				
IV	Chi phục vụ kỳ họp của Hội đồng nhân dân			
1	Chi cho kỳ họp Hội đồng nhân dân			
a	Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời dự kỳ họp Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức, nhân viên trực tiếp phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân			
	Chủ tọa kỳ họp	đồng/buổi/người	250.000	150.000
	Thư ký kỳ họp	đồng/buổi/người	150.000	100.000
	Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời, cán bộ, công chức, người lao động, phóng viên báo đài trực tiếp phục vụ kỳ họp	đồng/buổi/người	150.000	100.000
b	Chi tiền giải khát giữa giờ	đồng/buổi/người	50.000	50.000
2	Chi xây dựng, tổng hợp, rà soát và hoàn thiện các văn bản phục vụ kỳ họp			
a	Chi xây dựng bài phát biểu			
	- Phát biểu khai mạc, bế mạc	đồng/bài phát biểu	400.000	300.000
	- Phát biểu khi dự kỳ họp cấp dưới trực tiếp	đồng/bài phát biểu	300.000	
b	Chi xây dựng các văn bản trình kỳ họp Hội đồng nhân dân			
	- Chi xây dựng báo cáo chuyên đề, đề án, tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân trình kỳ họp	đồng/văn bản	1.200.000	500.000
	- Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tại các kỳ họp.	đồng/báo cáo	1000.000	500.000
	- Chi xây dựng báo cáo tổng hợp nội dung chất vấn, báo cáo tổng hợp trả lời chất vấn tại kỳ họp, thông báo kết	đồng/báo cáo	1.000.000	500.000

	luyện phiên giải trình của Thường trực Hội đồng nhân dân			
	- Chi cho việc chuẩn bị nội dung cần tập trung thảo luận về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và Nghị quyết chuyên đề (nếu có) tại kỳ họp	đồng/văn bản	300.000	150.000
	- Chi xây dựng, hoàn thiện biên bản kỳ họp	đồng/văn bản	600.000	400.000
	- Chi xây dựng thông báo kết quả kỳ họp	đồng/thông báo	500.000	200.000
c	Chi xây dựng và hoàn thiện nghị quyết trình tại kỳ họp			
	- Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân: mức chi áp dụng theo quy định hiện hành			
	- Nghị quyết cá biệt (trừ nghị quyết về nhân sự) do Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân chuẩn bị trình kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/nghị quyết	1.200.000	500.000
	- Chi rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân	đồng/nghị quyết	500.000	200.000
d	Chi tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật sau kỳ họp theo Nghị định số 79/2025/NĐ-CP	đồng/nghị quyết	500.000	
V	Chi hoạt động thẩm tra, giám sát, khảo sát			
1	Tổ chức hoạt động thẩm tra, giám sát, khảo sát			
	- Người chủ trì	đồng/buổi/người	200.000	200.000
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời, thư ký	đồng/buổi/người	150.000	100.000
	- Cán bộ, công chức, người lao động tham gia phục vụ	đồng/buổi/người	110.000	70.000
2	Xây dựng quyết định thành lập Đoàn, kế hoạch và đề cương giám sát, khảo sát, thẩm tra	đồng/bộ văn bản	1.500.000	600.000

3	Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, khảo sát	đồng/báo cáo	2.000.000	1.000.000
4	Xây dựng báo cáo thẩm tra về: báo cáo, đề án, tờ trình dự thảo nghị quyết	đồng/báo cáo	2.500.000	1.000.000
5	Khoán chi thuê chuyên gia hỗ trợ, nghiên cứu, cho ý kiến vào các đề án chuyên đề, kiểm nghiệm, kiểm định chất lượng các vụ việc trước hoặc sau khi đi giám sát, thẩm tra của của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã (nếu xét thấy cần thiết).	đồng/một lần thuê/đề án, nội dung	5.000.000	2.000.000
VI	Chi hội nghị, hội thảo, các phiên họp, cuộc họp do Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tổ chức			
1	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo và họp			
	- Người chủ trì	đồng/buổi/người	200.000	200.000
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời, thư ký	đồng/buổi/người	150.000	100.000
	- Cán bộ, công chức, người lao động tham gia phục vụ	đồng/buổi/người	110.000	70.000
2	Chi tiền giải khát giữa giờ	đồng/buổi/người	50.000	50.000
3	Chi xây dựng báo cáo tham luận, bài phát biểu tại các hội nghị, hội thảo do Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc cơ quan cấp trên tổ chức	đồng/báo cáo	500.000	300.000
4	Chi cho việc xây dựng báo cáo chuyên đề (không trình kỳ họp) phục vụ cho hoạt động của Đảng ủy Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân	đồng/báo cáo	900.000	450.000
5	Soạn thảo thông báo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân	đồng/báo cáo	500.000	200.000
6	Xây dựng báo cáo tổng hợp các ý kiến đóng góp vào dự án luật, pháp	đồng/báo cáo	1.200.000	600.000

	lệnh			
VII	Chi tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân			
1	Khoán chi cho các xã, phường để tổ chức, phục vụ công tác tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân các cấp (Thuê hội trường, âm thanh, ánh sáng, nước uống, chi cho người chủ trì hội nghị): 10.000.000 đồng/năm/xã, phường (trong đó đã bao gồm mức chi cho người chủ trì hội nghị là 150.000 đồng/hội nghị).			
2	Khoán chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ tiếp xúc cử tri	đồng/đại biểu/năm	3.000.000	1.500.000
3	Chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri cấp tỉnh	đồng/buổi/người	150.000	
4	Cán bộ, công chức, người lao động tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri, phóng viên báo, đài	đồng/buổi/người	150.000	100.000
5	Xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri theo Tổ đại biểu	đồng/báo cáo	300.000	150.000
6	Xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri chung trình kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/báo cáo	1.000.000	500.000
VIII	Chi tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân			
	Chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân, đại diện lãnh đạo cơ quan liên quan được phân công trực tiếp tiếp công dân theo lịch hoặc giấy mời tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân, của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/ngày/người	150.000	80.000
IX	Chi cho công tác xã hội			
1	Chế độ thăm hỏi ốm đau, hỗ trợ khó khăn đột xuất			
a	Chế độ thăm hỏi ốm đau, hỗ trợ khó khăn đột xuất đối với đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm			
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm khi ốm đau được chi tiền thăm hỏi 1.000.000 đồng/người/lần; nếu phải nằm viện, mức chi tiền thăm hỏi: 1.500.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo (theo danh mục quy định của Bộ Y tế) thì mức chi hỗ trợ là 5.000.000 đồng/người/lần. Chi không quá 02 lần/người/năm.			
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân từ trần thì gia đình của đại biểu được hỗ trợ là			

	3.000.000 đồng.			
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân có cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con ruột chết thì được hỗ trợ một lần là 1.500.000 đồng/người.			
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân nếu từ trần mà người lo mai táng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp mai táng từ Quỹ bảo hiểm xã hội hoặc không thuộc đối tượng hưởng hỗ trợ mai táng từ ngân sách nhà nước thì được hưởng một lần hỗ trợ mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở do Hội đồng nhân dân cấp đó chi trả từ ngân sách nhà nước.			
b	Chế độ thăm hỏi ốm đau, hỗ trợ khó khăn đột xuất đối với các vị nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân			
	- Các vị nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân khi ốm đau phải nằm viện, mức chi tiền thăm hỏi là 1.500.000 đồng/người/lần thăm bệnh, chi không quá 02 lần/năm. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo (theo danh mục quy định của Bộ Y tế) thì mức chi hỗ trợ một lần tối đa không quá 3.000.000 đồng/người, chi không quá 02 lần/năm.			
	- Nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân từ trần thì gia đình của nguyên đại biểu được hỗ trợ 3.000.000 đồng.			
X	Một số chế độ chi khác			
1	May trang phục (lễ phục)			
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm: 02 bộ/nhiệm kỳ	đồng/bộ	5.000.000	3.000.000
	- Cán bộ, công chức Văn phòng trực tiếp phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân: 02 bộ/nhiệm kỳ	đồng/bộ	2.500.000	1.500.000
2	Đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp tài liệu, báo chí, phí truy cập internet (trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân ở nhiều cấp thì được chi ở mức cao nhất)	đồng/tháng	600.000	300.000
3	Chi hỗ trợ đối với các đại biểu Hội đồng nhân dân không được hưởng chế độ khám, chăm sóc sức khỏe theo quy định	đồng/đại biểu/năm	1.000.000	500.000
4	Tặng quà lưu niệm: đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp chuyển công tác và thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân; cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng phục vụ trực tiếp hoạt động Hội đồng nhân dân	đồng/lần/người	3.000.000	2.000.000

	tỉnh khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm:			
5	Chi tặng quà cho các đối tượng chính sách, xã hội của các tổ chức Hội đồng nhân dân các cấp khi thăm hỏi nhân dịp Lễ, Tết, các ngày truyền thống và trong các đợt đi khảo sát về đời sống sinh hoạt xã hội (như: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng Tám năm 1945; Liệt sĩ; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Bệnh binh; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế; Người có công giúp đỡ cách mạng; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp với hoạt động của Hội đồng nhân dân; gia đình và cá nhân gặp rủi ro thiên tai; Già làng, người có uy tín trong cộng đồng; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội như: Trại điều dưỡng thương binh, bệnh binh; trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú; các đơn vị bộ đội, công an ở biên giới, hải đảo...), các trường hợp khác do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định: đối với tập thể tối đa không quá 10.000.000 đồng/lần, đối với cá nhân tối đa không quá 5.000.000 đồng/lần.			
6	Chế độ chi bồi dưỡng cho cá nhân tham dự giám sát, khảo sát, thẩm tra, kỳ họp, tiếp xúc cử tri tổ chức vào những ngày nghỉ, ngày lễ như sau: “Đối với giám sát, khảo sát, thẩm tra, kỳ họp, tiếp xúc cử tri của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tổ chức vào những ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật) thì được chi gấp 02 lần; nếu tổ chức vào ngày lễ thì được chi gấp 03 lần so với mức chi quy định tại Nghị quyết này”.			
7	Chế độ chi tặng quà cho cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài. Quà tặng được sử dụng khi Đoàn của HĐND tỉnh Đồng Nai đi công tác nước ngoài hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài đến làm việc với HĐND tỉnh. Mức chi quà tặng đối với mỗi tổ chức, cá nhân do Thường trực HĐND tỉnh quyết định và thực hiện theo kế hoạch.			